

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2022/TLST – DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Đ.

Địa chỉ: đường L, Phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào H- Giám đốc Ngân hàng Đ- Chi nhánh Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Bà U, sinh năm 1981.

Địa chỉ: xã H, huyện G, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Đ và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng Đ (gọi tắt là Ngân hàng Đ) và bà U ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00810972/0144162801T18007 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với nội dung: Ngân hàng Đ cho bà U vay số tiền 55.000.000đ; thời hạn vay là 36 tháng; mục đích sử dụng: Tiêu dùng; lãi suất trong hạn tính theo dự nợ ban đầu 8,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức cho vay: trả góp, lãi gộp.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng Đ đã giải ngân số tiền 55.000.000đ cho bà U bằng hình thức chuyển khoản.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà U đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bà U mới trả cho Ngân hàng Đ số tiền 40.974.803 đồng, trong đó tiền gốc vay là 29.245.162 đồng và tiền lãi là 11.729.641 đồng, gồm lãi trong hạn là 11.497.973 đồng, lãi quá hạn là 231.668 đồng và từ ngày 21-10-2020 đến khi Ngân hàng Đ khởi kiện, bà U không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Do bà U không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Đ đã nhiều lần yêu cầu bà U thanh toán tiền gốc và lãi chưa thanh toán nhưng bà U vẫn không thực hiện. Do vậy, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà U thanh toán số tiền còn lại.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, bà U trả cho Ngân hàng Đ số tiền 2.000.000 đồng. Nay Ngân hàng Đ yêu cầu bà U phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền nợ còn lại tính đến hết ngày 22-9-2022 là 30.705.228 đồng, trong đó nợ gốc 23.754.838 đồng, nợ lãi là 6.950.390 đồng, gồm lãi trong hạn là 2.527.027 đồng, lãi quá hạn là 4.423.363 đồng. Và yêu cầu bà U tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn bà U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà U vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại Điều 13 Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp, nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi Ngân hàng Đ-Chi nhánh Vũng Tàu đặt trụ sở hoặc tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế. Xét thỏa thuận của các đương sự không trái quy định pháp luật, nguyên đơn có trụ sở giao dịch tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo hợp đồng tín dụng đã giao kết thấy rằng:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng, đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn bà U cư trú tại địa chỉ: xã H, huyện G, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ trên nhưng bị đơn không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

[2.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa Ngân hàng Đ và bà U được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.3] Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, Hợp đồng tín dụng, Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 14-12-2018 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà U vay của Ngân hàng Đông Á số tiền 55.000.000đ, được giải ngân vào ngày 14-12-2018, quá trình thực hiện hợp đồng bà U đã thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền 40.974.803 đồng, trong đó tiền gốc vay là 29.245.162 đồng và tiền lãi là 11.729.641 đồng (lãi trong hạn 11.497.973 đồng, lãi quá hạn 231.668 đồng). Bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản vay kể từ ngày 21-10-2020. Ngày 12-9-2020, bà U thanh toán cho Ngân hàng Đ thêm số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 22-9-2022, bà U đã thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền 42.974.803 đồng, trong đó nợ gốc là 31.245.162 đồng; nợ lãi là 11.729.641 đồng (lãi trong hạn 11.497.973 đồng, lãi quá hạn 231.668 đồng). Bà U còn nợ Ngân hàng Đ số tiền là 30.705.228 đồng, trong đó nợ gốc 23.754.838

đồng, nợ lãi là 6.950.390 đồng (lãi trong hạn là 2.527.027 đồng, lãi quá hạn là 4.423.363 đồng).

[2.4] Do bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà U thanh toán số tiền còn thiếu nói trên và lãi phát sinh kể từ ngày 23-9-2022 cho đến khi bà U hoàn tất khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của Ngân hàng Đ được chấp nhận nên bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ đối với bị đơn bà U về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà U có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền là 30.705.228đ (ba mươi triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 23.754.838đ (hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi là 6.950.390đ (sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn, ba trăm chín mươi đồng), gồm lãi trong hạn là 2.527.027đ (hai triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 4.423.363đ (bốn triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng).

Kể từ ngày 23-9-2022, bà U còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00810972/0144162801T18007 ngày 14-12-2018 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà U phải nộp 1.535.264đ (một triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Đ số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002194 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huê

